TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1-GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2025/DS -ST
Ngày: 12 - 08 - 2025
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - GIA LAI, TỈNH GIA LAI

/- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Minh Hòa

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Ron

Ông Nguyễn Tấn Bình

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Kim Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1- Gia Lai, tỉnh Gia Lai

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1- Gia Lai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Võ Phong - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 08 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2025/TLST - DS, ngày 06 tháng 03 năm 2025 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXX-ST ngày 16/7/2025 giữa:

Nguyên đơn: Ông Mai Thanh Tùng, sinh năm: 1973; Địa chỉ: 85/102 Hoàng Văn Thụ, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế Vũ - Giấy ủy quyền số 000689 ngày 12/03/2025 (có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh Triều, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Tổ 20B, khu vực 2 (phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định) nay là phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đặng Đăng Khôi, sinh năm 2008; Đặng Đăng Tây, sinh năm 2011; Cùng địa chỉ: Tổ 20B, khu vực 2 (phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định) nay là phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/02/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Mai Thanh Tùng uỷ quyền cho ông Nguyễn Thế Vũ trình bày: Qua mối quan hệ quen biết, giới thiệu nên ông Tùng có quen biết với bà Nguyễn Thị Thanh Triều. Ngày 08/09/2020 bà Nguyễn Thị Thanh Triều có vay ông Tùng với số tiền là 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng). Sau đó trong ngày bà Triều có vay thêm 40.000.000 đồng nữa. Tổng cộng vay là 310.000.000 đồng. Lãi suất 2%/tháng (thoả thuận miệng), thời hạn vay là 36 tháng, tức là đến ngày 08/09/2023 thì bà Triều phải trả nợ gốc cho ông Tùng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, đến ngày 08/9/2023 ông Tùng đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng bà Triều vẫn hứa hẹn không trả. Nay ông Tùng khởi kiện yêu cầu bà Triều phải trả số tiền 310.000.000 đồng tiền gốc. Còn đối với tiền lãi do không thỏa thuận rõ nên ông Tùng yêu cầu Toà án tính lãi suất theo quy định của pháp luật là 10%/năm tương đương 0,83%/tháng. Tạm tính từ ngày 08/9/2020 đến ngày 12/8/2025 là 1.799 ngày, tiền lãi của 310.000.000 đồng x 10%/tháng x 1.799 ngày = 152.791.780 đồng. Tổng cộng là: 310.000.000 đồng + 152.791.780 đồng = 462.791.780 đồng

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh Triều trình bày: Vợ chồng bà có vay của ông Tùng số tiền 310.000.000 đồng với lãi suất hàng tháng là 1.000.000 đồng là 60.000 đồng tiền lãi, vợ chồng bà phải trả lãi 1 ngày 300.000 đồng nhưng vì dịch Covid-19 nên không có khả năng trả lãi. Sau khi hết dịch, vợ chồng bà có đến xin ông Tùng trả gốc bớt 100.000.000 đồng và miễn tiền xin lãi, để góp tiền trả nợ gốc dần nhưng ông Tùng không đồng ý. Đến ngày 07/6/2024 ông Tùng có đến nhà yêu cầu vợ chồng bà trả trong thời hạn 3 ngày phải trả cả gốc lẫn lãi là 660.000.000 đồng, hai vợ chồng bà có xin trả dần nhưng ông Tùng không đồng ý.

Tháng 6/2024, chồng bà (ông Đặng Thanh Nghiệp) là trụ cột chính trong gia đình đã mất, hiện nay bà còn nuôi 02 con nhỏ. Do đó, bà xin được trả dần cho ông Tùng mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền gốc 310.000.000 đồng. Về tiền lãi bà xin được miễn trả. Đối với tiền lãi đã trả trước đây bà không nhớ đã trả bao nhiêu nên bà không yêu cầu giải quyết.

Đối với giấy nợ do ông Tùng cung cấp trong hồ sơ tất cả không phải chữ viết của bà, bà xác nhận phần chữ ký "*Triều*" và chữ viết "*Nguyễn Thanh Triều*" là chữ của bà. Riêng các chữ viết ở các dòng từ 1 đến 5 của tờ giấy A4 không phải chữ viết của bà. Tuy nhiên bà không yêu cầu giám định chữ ký vì bà không có điều kiện để yêu cầu giám định. Bà xác định hiện vẫn còn nợ gốc 310.000.000 đồng.

Ông Đặng Thanh Nghiệp chết, cha mẹ ông Nghiệp cũng đã chết trước khi ông Nghiệp và bà cưới nhau. Hiện bà và ông Nghiệp có 02 con chung tên: Đặng Đăng Khôi, sinh năm 2008; Đặng Đăng Tây, sinh năm 2011.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Đặng Đăng Khôi và cháu Đặng Đăng Tây trình bày: Ba cháu chết tháng 6/2024, hiện hai cháu đang ở với mẹ, còn nhỏ nên không biết gì. Thống nhất theo trình bày của mẹ (Triều).

*/- Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Gia Lai:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: từ khi thụ lý đến phiên tòa xét xử Thẩm phán; Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng các trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

Về giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị bị đơn phải trả số tiền nợ gốc 310.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 08/9/2020 đến ngày xét xử (12/8/2025) là có căn cứ pháp luật phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận . Bà Triều xin miễn trả tiền lãi và trả nợ dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, không phù hợp với quy định pháp luật nên đề nghị không chấp nhận.

Tại phiên toà bà Triều khai đây là khoản nợ chung vợ chồng nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh nên xác định đây là khoản vay do bà Triều đứng tên vay riêng.Về án phí: Bà Triều được giảm ½ theo quy định pháp luật (có đơn xin miễn giảm án phí được chính quyền địa phương xác nhận).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định**:**

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà giữa nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất xác định: Hiện nay bà Nguyễn Thị Thanh Triều còn nợ ông Mai ThanhTùng số tiền nợ gốc 310.000.000 đồng (theo giấy nhận nợ ngày 08/9/2020). Thời hạn vay: 36 tháng. Về lãi suất: nguyên đơn xác định 2%/tháng còn bị đơn xác định lãi suất 6%/tháng. Ngoài ra, bị đơn còn cho rằng số tiền này do hai vợ chồng đứng ra vay nhưng ông Đặng Thanh Nghiệp (chồng bà Triều) đã chết, bị đơn không có khả năng trả một lần nên xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết khoản tiền nợ 310.000.000 đồng.

Xét thấy, bà Triều cho rằng khoản vay này của vợ chồng bà, nhưng trong giấy vay ngày 09/8/2020 không có tên ông Đặng Thanh Nghiệp. Tuy nhiên, khoản vay này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, trường hợp ông Nghiệp còn sống thì ông Nghiệp phải có trách nhiệm trả nợ cùng bà Triều (theo quy định tại Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình). Hiện ông Triều đã chết, Toà án đã xác định những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nghiệp là bà Triều 02 con chung

(cháu Đặng Đăng Khôi và Đặng Đăng Tây) nhưng hiện nay hai cháu còn nhỏ nên bà Triều là người đại diện đương nhiên.

Bị đơn xác nhận đã nhận đủ số tiền vay 310.000.000 đồng nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thoả thuận là vi phạm hợp đồng. Trong giấy vay tiền lập ngày 8/9/2020 có ghi nhận: "*Tôi hẹn 36 tháng tôi sẽ hoàn lại số tiền trên cho ông Tùng*". Như vậy, thời hạn bà Triều phải trả tiền vay cho ông Tùng chậm nhất là ngày 09/9/2023. Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*". Do bên vay tài sản vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ông Mai Thanh Tùng khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả 310.000.000 đồng nợ gốc và lãi phát sinh theo quy định pháp luật là hoàn toàn phù hợp với điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự.

Bà Triều cho rằng giấy nợ do ông Tùng cung cấp trong hồ sơ tất cả không phải chữ viết của bà, bà xác nhận phần chữ ký "*Triều*" và chữ viết "*Nguyễn Thanh Triều*" là chữ của bà. Riêng các chữ viết ở các dòng từ 1 đến 5 của tờ giấy A4 không phải chữ viết của bà. Tuy nhiên, bà không yêu cầu giám định chữ viết. Hội đồng xét xử xét thấy, về nội dung bà Triều thừa nhận có vay 310.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng là hoàn toàn phù hợp với giấy vay tiền nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Về lãi vay: Nguyên đơn, bị đơn trình bày không thống nhất về mức lãi suất cho vay, nguyên đơn xác định bị đơn chưa trả lãi, còn bị đơn cho rằng đã trả nhưng không nhớ trả bao nhiêu và cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh về khoản tiền lãi đã trả, bị đơn cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tiền lãi đã trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Theo nội dung của giấy vay tiền lập ngày 8/9/2020 không thể hiện lãi suất. Tại phiên toà nguyên đơn và bị đơn đều xác định có lãi suất. Như vậy, có căn cứ xác định việc vay tiền giữa ông Tùng và bà Triều là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi suất. Tại phiên toà, đại diện nguyên đơn yêu cầu tính lãi 10%/năm kể từ ngày 08/9/2020 đến ngày 12/8/2025 là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Lãi suất được tính như sau: từ ngày 08/9/2020 đến ngày 12/8/2025 là 1.799 ngày, tương đương 310.000.000 đồng x 10%/năm x 1.799 ngày = 152.791.780 đồng. Như vậy: Bà Triều phải trả cho ông Mai Thanh Tùng số tiền 462.791.800 (Trong đó nợ gốc: 310.000.000 đồng, nợ lãi 152.791.800 đồng)

Bà Triều xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ gốc 310.000.000 đồng và xin được miễn trả tiền lãi nhưng không được nguyên đơn chấp nhận, không phù hợp với Điều 466, 468 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Tại phiên toà bà Triều trình bày bổ sung về việc có giao cho ông Tùng giấy mua bán nhà viết tay để làm tin khi vay tiền, nhưng đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn không thừa nhận. Bà Triều không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng

minh và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 13, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Bà Triều phải chịu 11.257.500 đồng (đã được xét giảm ½ vì có hoàn cảnh kinh tế khó khăn có xác nhận của UBND phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai)

[4].Ý kiến của đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ:

- Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 357, 463, 466, 468, của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Điều 13, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Thanh Tùng. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh Triều phải trả cho ông Mai Thanh Tùng số tiền: 462.791.780 (Trong đó nợ gốc: 310.000.000 đồng, nợ lãi 152.791.780 đồng)

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh Triều về việc xin miễn trả lãi và trả nợ dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ gốc 310.000.000 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Thanh Triều phải chịu 11.257.500 đồng (đã được xét giảm ½). Hoàn trả cho ông Mai Thanh Tùng số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.937.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001274 ngày 05/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực1 - Gia Lai.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

5.1. Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân KV1-GL;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án

Trần Thị Minh Hòa